

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2021/HNGĐ-ST
Ngày 08 - 10 - 2021
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tăng Giàu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Hoàng

Ông Nguyễn Văn Tịnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quốc Đại - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Ti - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 77/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2021 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Thị T, sinh năm 1983; cư trú tại ấp T, xã N, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Anh Kiều Văn T, sinh năm 1984; cư trú tại ấp 1, xã Long Điền Đông A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/3/2021 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Thị T trình bày: Chị và anh T được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tại địa phương vào năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Điền Đông A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/3/2011. Việc kết hôn là do hai người tự nguyện kết hôn với nhau. Quá trình chung sống thời gian đầu sống hạnh phúc, thời gian sau này vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống gia đình luôn căng thẳng không hàn gắn được, hiện tại chị và anh T không còn sống chung khoảng một năm nay, nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Kiều Văn T.

Về con chung: Chị Thị T và anh Kiều Văn T có một người con tên Kiều Gia H, sinh ngày 09/3/2008, hiện tại đang sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con và không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Chị T và anh Kiều Văn T tự thỏa thuận về tài sản chung, anh chị không nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Kiều Văn T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cũng như triệu tập anh T Tm gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Tm gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng anh T vắng mặt không rõ lý do.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn chị T đúng theo quy định pháp luật, bị đơn anh T chưa chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 28, 35, 39 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Thị T đối với anh Kiều Văn T; về con chung tiếp tục giao cháu Kiều Gia H, sinh ngày 09/3/2008 cho chị Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Kiều Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ: Chị T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng, chị T đã nộp tạm ứng án phí số tiền trên tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ được chuyển thu án phí toàn bộ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi T luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Thị T yêu cầu ly hôn với anh Kiều Văn T và yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Kiều Gia H, sinh ngày 09/3/2008, bị đơn anh Kiều Văn T cư trú tại ấp 1, xã Long Điền Đông A, huyện Đ nên đây là vụ án dân sự về tranh chấp ly hôn, nuôi con và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt các đương sự: Chị Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và được Tòa án chấp nhận; anh Kiều Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do; căn cứ các điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và các điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh T.

[4]. Về nội dung: Chị Thị T và anh Kiều Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban NH dân xã Long Điền Đông A, huyện Đ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Nên hôn nH giữa chị T và anh T là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[5]. Xét yêu cầu khởi kiện của chị Thị T yêu cầu ly hôn với anh Kiều Văn T. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị T xác định quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm, đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không hàn gắn được, hiện tại anh chị không còn sống chung khoảng một năm nay, nên hôn nH giữa anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng.

[6]. Căn cứ Biên bản về việc xác minh tình trạng hôn nH của chị Thị T và anh Kiều Văn T ngày 20/4/2021, đại diện Ban NH dân ấp 1, xã Long Điền Đông A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu xác định quá trình chung sống giữa anh T và chị T hay cự cãi, do bất đồng quan điểm, gia đình hai bên có hòa giải nhưng không hàn gắn được.

[7]. Mục đích của hôn nH là để tạo dựng gia đình hạnh phúc, vợ chồng phải yêu thương, quý trọng và chăm sóc lẫn nhau, nhưng trong thời gian chung sống chị T và anh T phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống gia đình luôn căng thẳng không hàn gắn được, hiện tại chị T và anh T không còn sống chung khoảng một năm nay, hôn nH lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nH không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, căn cứ Điều 56 Luật hôn nH và gia đình, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh T.

[8]. Về con chung: Chị Thị T xác định, chị và anh T có một người con chung tên Kiều Gia H, sinh ngày 09/3/2008. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu H và không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con. Tại biên bản ghi ý kiến cháu H có nguyện vọng được sống cùng chị T. Do đó, để đảm bảo cuộc sống của cháu H, cần tiếp tục giao cháu H cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[9]. Về tài sản chung và nợ: Chị Thị T xác định, anh chị tự thỏa thuận về tài sản chung và cũng không nợ ai, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[10]. Về án phí: Chị Thị T phải chịu 300.000 đồng, chị T đã nộp số tiền trên tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ được chuyển thu án phí toàn bộ.

[11]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên về các vấn đề có liên quan đến vụ án là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; các điểm a, b khoản 1 Điều 227; các điểm a, b khoản 1 Điều 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn

nH và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nH: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Thị T đối với anh Kiều Văn T.

2. Về con chung: Giao người con chung tên Kiều Gia H, sinh ngày 09/3/2008 cho chị Thị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Chị Thị T phải chịu 300.000 đồng. Chị T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0011628 ngày 24 tháng 3 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí toàn bộ.

4. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Chị Thị T và anh Kiều Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Đ;
- CCTDS huyện Đ;
- UBND xã Long Điền Đông A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Tăng Giàu

